

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /CSDN-LĐTL

Đồng Nai, ngày 10 tháng 1 năm 2022

Kính gửi: Sở LĐTBXH Tỉnh Đồng Nai

Căn cứ thông tư số 07/2016/TTBLĐTBXH ngày 15/5/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định một số nội dung tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Tổng Công ty Cao su Đồng Nai xin báo cáo kết quả thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động và tình hình tai nạn lao động năm 2022 (đính kèm phụ lục).

Kính báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, LĐTL.



Đỗ Minh Tuấn

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 1 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG NĂM 2022

Tên¹: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI

Nghề nghiệp sản xuất kinh doanh²: Trồng, chăm sóc cây cao su; khai thác, chế biến mủ cao su

Loại hình³: Công Ty TNHH Một Thành Viên

Cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý⁴: Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam

Địa chỉ: (Số nhà, đường phố, quận, huyện, thị xã): Số 47, tổ 3, khu phố Trung Tâm phường Xuân Lập - Thành phố Long Khánh - tỉnh Đồng Nai

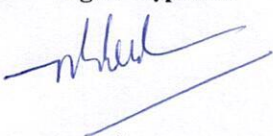
TT	Các chỉ tiêu trong kỳ báo cáo	Đvt	Số liệu	
1	Lao động			
	Tổng số lao động đến 31/12/2022	người	4.104	
	Trong đó:	- Người làm công tác an toàn vệ sinh lao động	người	14
		- Người làm công tác y tế	người	85
		- Tổng số lao động nữ	người	1.523
		- Lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV)	người	928
- Lao động làm việc trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại V)		người	2.680	
2	Tai nạn lao động			
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	vụ	5	
	+ Trong đó, số vụ có người chết	vụ	-	
	- Tổng số người bị tai nạn lao động	người	5	
	+ Trong đó, số người chết vì tai nạn lao động	người	-	
	- Tổng chi phí cho tai nạn lao động (cấp cứu, điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp, ...)	triệu đồng	75,787	
	- Thiệt hại về tài sản (tính bằng tiền)	triệu đồng	-	
	- Số ngày công nghỉ vì tai nạn lao động	ngày	140	
3	Bệnh nghề nghiệp			
	- Tổng số người bị bệnh nghề nghiệp cộng dồn lại tại thời điểm báo cáo	người	-	
	+ Trong đó, số người mắc mới bệnh nghề nghiệp	người	-	
	- Số ngày công nghỉ vì bệnh nghề nghiệp	ngày	-	
	- Số người phải nghỉ trước tuổi nghỉ hưu vì bệnh nghề nghiệp	người	-	
- Tổng chi phí cho người bị bệnh nghề nghiệp phát sinh trong năm (các khoản chi không tính trong kế hoạch an toàn - vệ sinh lao động như: điều trị, trả tiền lương trong ngày nghỉ, bồi thường, trợ cấp, ...)	triệu đồng	-		
	Kết quả phân loại sức khỏe của người lao động		4.060	
	+ Loại I	người	1.121	

4	+ Loại II	người	917
	+ Loại III	người	1.653
	+ Loại IV	người	342
	+ Loại V	người	27
5	Huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động		3.805/4.104
	a) Tổng số người nhóm 1 được huấn luyện/tổng số người nhóm 1 hiện có	người	47/47
	b) Tổng số người nhóm 2 được huấn luyện/tổng số người nhóm 2 hiện có	người	16/16
	c) Tổng số người nhóm 3 được huấn luyện/tổng số người nhóm 3 hiện có	người	195/409
	Trong đó:	người	
	- Tự huấn luyện		
	- Thuê tổ chức cung cấp dịch vụ huấn luyện	người	195
	d) Tổng số người nhóm 4 được huấn luyện/tổng số người nhóm 4 hiện có	người	3.508/3.508
	đ) Tổng số người nhóm 5 được huấn luyện/tổng số người nhóm 5 hiện có	người	0/85
e) Tổng số người nhóm 6 được huấn luyện/tổng số người nhóm 6 hiện có	người	39/39	
g) Tổng chi phí huấn luyện công tác ATVSLĐ	triệu đồng	412,14	
6	Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động		
	- Tổng số	cái	76
	Trong đó:		
	+ Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ đang được sử dụng	cái	76
	+ Số đã được kiểm định	cái	76
	+ Số chưa được kiểm định	cái	-
	+ Số đã được khai báo	cái	76
+ Số chưa được khai báo	cái	-	
7	Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi		
	- Tổng số người làm thêm bình quân trong năm	người	3.078
	- Tổng số giờ làm thêm trong năm	giờ	609.444
	- Số giờ làm thêm cao nhất trong 01 tháng	giờ	40
8	Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật		
	- Tổng số lượt người	lượt người	44.459
	- Tổng chi phí (chi phí nằm trong chi phí chăm sóc sức khỏe nêu tại điểm 10)	triệu đồng	16.400,790
9	Tình hình quan trắc môi trường lao động		
	- Số mẫu quan trắc môi trường lao động	mẫu	583
	- Số mẫu không đạt tiêu chuẩn cho phép/Tổng số mẫu đo + Tiếng ồn	mẫu	16/583
10	Chi phí thực hiện kế hoạch an toàn vệ sinh lao động		47.957,210
	- Các biện pháp kỹ thuật an toàn	triệu đồng	543,717
	- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh	triệu đồng	377,939
	- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân	triệu đồng	4.921,989
	- Chăm sóc sức khỏe NLD + bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật	triệu đồng	17.949,540
	- Tuyên truyền, huấn luyện, tổ chức tháng công nhân+Tháng ATVSLĐ	triệu đồng	9,550
	- Đánh giá nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	triệu đồng	-
	- Chi khác:		24.154
	+ Chi phí ăn giữa ca	triệu đồng	23.341,900

	+ Trợ cấp cho an toàn VSV	triệu đồng	129,618
	+ Tham gia quỹ bảo hiểm TNLĐ-BNN (BHXH bắt buộc)	triệu đồng	682,957
	Tổ chức cung cấp dịch vụ:		
11	a) Dịch vụ về an toàn, vệ sinh lao động được thuê theo quy định tại khoản 5 điều 72 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	tên tổ chức	-
	b) Dịch vụ về y tế được thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Luật an toàn, vệ sinh lao động (nếu thuê)	tên tổ chức	-
12	Thời điểm tổ chức tiến hành đánh giá định kỳ nguy cơ rủi ro về an toàn, vệ sinh lao động	tháng, năm	Tháng 5
13	Đánh giá hiệu quả các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại theo quy định tại Điều 7 Nghị định 39/2016/NĐ-CP	có/không	có
	Nếu có đánh giá thì:		
	a) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được nhận diện trong kỳ đánh giá (nếu có)	yếu tố	-
	b) Số lượng các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đã được cải thiện trong năm (nếu có)	yếu tố	-

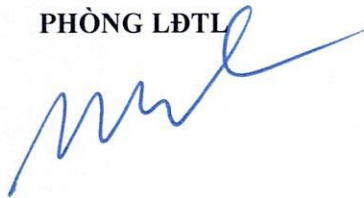
Ghi chú: Tổng Công ty không sử dụng người lao động nước ngoài.

Người lập biểu



Nguyễn Hòa Diệu

PHÒNG LĐTL



Nguyễn Thị Ánh Tuyết

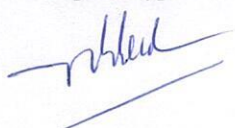


TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Minh Tuấn

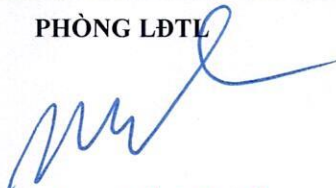
Tên chỉ tiêu thống kê	Mã số	Phân loại TNLĐ theo mức độ thương tật										
		Số vụ (Vụ)			Số người bị nạn (Người)							
		Tổng số	Số vụ có người chết	Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên	Tổng số		Số LĐ nữ		Số người chết		Số người bị thương nặng	
					Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý	Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý	Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý	Tổng số	Nạn nhân không thuộc quyền quản lý
2. Tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật ATVSLĐ												
3. Tổng số (3=1+2)		5		5		2				3		
II. Thiệt hại do tai nạn lao động												
Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động (kể cả ngày nghỉ chế độ)	Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)					Thiệt hại tài sản (1.000 đ)						
	Tổng số	Khoản chi cụ thể của cơ sở (đồng)										
		Y tế	Trả lương trong thời gian Điều trị	Bồi thường /Trợ cấp								
166	8.342.643	31.148.523	36.296.328									

Người lập biểu



Nguyễn Hòa Diệu

PHÒNG LĐTL



Nguyễn Thị Ánh Tuyết

TỔNG GIÁM ĐỐC

